

Số: 2240087

|                                                | Peugeot 408 Legend Allure | Peugeot 408 Premium   |
|------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>1.039.000.000đ</b>     | <b>1.119.000.000đ</b> |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                           |                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4687 x 1850 x 1510        | 4687 x 1850 x 1510    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2787                      | 2787                  |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 189                       | 189                   |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1430                      | 1450                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1880                      | 1900                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 536                       | 536                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 52                        | 52                    |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                         | 5                     |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước          | SX-LR trong nước      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                           |                       |
| Loại động cơ                                   | 1,6 Turbo PureTech        | 1,6 Turbo PureTech    |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1598                      | 1598                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 218 / 5500                | 218 / 5500            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 / 2000                | 300 / 2000            |
| Hộp số                                         | 8AT                       | 8AT                   |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)           | Cầu trước (FWD)       |
| Hệ thống treo trước                            | Độc Lập Mac Pherson       | Độc lập Mc Pherson    |
| Hệ thống treo sau                              | Bán Độc Lập               | Bán Độc Lập           |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                       | Đĩa                   |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                       | Đĩa                   |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R18                | 225/55 R18            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.74                      | 9.2                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.31                      | 5.7                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.59                      | 7                     |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | -                         | -                     |
| Chế độ lái                                     | Eco/Normal/Sport          | Eco/Normal/Sport      |
| Chế độ địa hình                                | -                         | -                     |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                           |                       |
| Cụm đèn trước                                  | Xenon                     | LED                   |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                         | ●                     |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | -                         | ●                     |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | -                         | -                     |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | ●                         | -                     |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                         | ●                     |
| Đèn sương mù                                   | Halogen Projector         | -                     |
| Cụm đèn sau                                    | Halogen                   | LED                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                         | ●                     |
| Gạt mưa tự động                                | ●                         | ●                     |
| Cửa sổ trời                                    | ●                         | -                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                           |                       |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                         | ●                     |

| Chất liệu ghế                        | Da                                                        | Da Claudia |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------|
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                                                         | -          |
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                                                         | ●          |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | -                                                         | -          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | -                                                         | -          |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                                                         | ●          |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                                                         | -          |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | ●                                                         | -          |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | ●                                                         | -          |
| Tính năng cửa hít                    | -                                                         | -          |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                                                         | ●          |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog                                                    | Digital 10 |
| Màn hình HUD                         | ●                                                         | -          |
| Màn hình giải trí trung tâm          | AVN 7                                                     | Digital 10 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                                                         | ●          |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                                                         | ●          |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 2                                                         | 2          |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                                                         | ●          |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                                                         | ●          |
| Khởi động nút bấm                    | ●                                                         | ●          |
| Khởi động từ xa                      | -                                                         | -          |
| Lấy chuyển số                        | ●                                                         | ●          |
| Sạc không dây Qi                     | ●                                                         | ●          |
| Phanh đỗ điện tử                     | -                                                         | ●          |
| Giữ phanh tự động Autohold           | -                                                         | -          |
| Đèn trang trí nội thất               | ●                                                         | -          |
| Rèm che nắng                         | ●                                                         | -          |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                                                         | ●          |
| Trang bị khác                        | Hàng ghế 2: Chỉnh điện, sưởi, làm mát, massage, bệ đỡ đùi |            |

#### AN TOÀN:

|                                                 |             |             |
|-------------------------------------------------|-------------|-------------|
| Số túi khí                                      | 6           | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●           | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●           | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●           | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | -           | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●           | ●           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●           | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●           | ●           |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & sau | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●           | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -           | ●           |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●           | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | -           | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | -           | ●           |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | -           | ●           |

Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng

-

●

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp

●

●

Camera lùi

●

●